

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 08/9/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thanh
2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST-DS ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp k, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

*** Bị đơn:** 1. Bà **Trương Thanh X**, sinh năm 1974.

2. Ông **Lê Hồng T2**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

(Bà T có mặt; bà X, ông T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ*

án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Vì chỗ quen biết nhau nên vào ngày 04/8/2017 âm lịch vợ chồng ông T2, bà X có hỏi vay của bà số tiền 200.000.000 đồng để xoay sở trong gia đình, thời hạn 02 năm, lãi suất theo thỏa T2. Việc thỏa T2 này vợ chồng ông T2, bà X có thể chấp cho bà 01 căn nhà đang sử dụng tại khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

Sau đó vợ chồng ông T2, bà X có gửi đóng lãi cho bà được 10.000.000 đồng, đến nay không trả lãi cũng không trả gốc.

Từ đó đến nay bà nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T2, bà X cứ hẹn lần hẹn lượt, căn nhà thế chấp cho bà vẫn giao cho bà X, ông T2 sử dụng.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Lê Hồng T2 cùng vợ là bà Trương Thanh X phải trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu trả lãi.

*** Các bị đơn vắng mặt không có lý do:**

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà T: Xác định khi vay có thể chấp căn nhà nhưng căn nhà này vẫn giao cho bà X, ông T2 sử dụng. Biên nhận là do bà X viết. Khi viết biên nhận xong bà trực tiếp giao tiền cho ông T2 và bà X, ngoài ra không có ai khác. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X phải trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đối với căn nhà bà X, ông T2 thế chấp bà không yêu cầu giải quyết.

- Các bị đơn: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T. Buộc các bị đơn ông Lê Hồng T2, bà Trương Thanh X phải trả cho bà T số tiền gốc còn nợ 200.000.000 đồng. Về lãi suất do bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền lãi nguyên đơn xác định bị đơn đã đóng được 10.000.000

đồng. Các bị đơn không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X cùng địa chỉ tổ 2, khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K trả số tiền vay nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T2, bà X đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T2, bà X trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

- Xét thấy giao dịch vay tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T và các bị đơn ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X là một hợp đồng dân sự về vay tài sản có kỳ hạn, được giao kết trên cơ sở tự nguyện của các bên. Để đảm bảo cho khoản vay nên khi vay tiền ông T2, bà X có làm biên nhận thế chấp căn nhà cho nguyên đơn. Nhưng khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa T2 thì ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X là bên vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. Do quyền lợi bị xâm hại nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 200.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc ông T2 và bà X không đến Tòa tham gia tố tụng là tự mình từ bỏ quyền lợi của mình được trình bày ý kiến, đề nghị, yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình. Theo biên nhận ngày 04/8/2017 âm lịch, nguyên đơn bà T

khẳng định do bà X viết biên nhận thế chấp căn nhà để vay số tiền 200.000.000 đồng. Biên nhận có chữ ký của ông T2 và bà X. Bà trực tiếp giao tiền cho ông T2, bà X. Các bị đơn ông T2, bà X không có ý kiến gì về nội dung bà T đã kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, thấy rằng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 200.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về lãi suất:

Do nguyên đơn bà T không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền lãi nguyên đơn xác định bị đơn đã đóng được 10.000.000 đồng. Các bị đơn không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Đối với căn nhà thế chấp để vay số tiền 200.000.000 đồng thì từ khi thế chấp căn nhà vẫn do các bị đơn sử dụng, nguyên đơn không yêu cầu xử lý mà chỉ đòi lại tiền vay nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về phát suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: do các bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bích T 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005324 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T. Buộc bị các bị đơn ông Lê Hồng T2, bà Trương Thanh X trả cho bà Nguyễn Thị Bích T số tiền gốc là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Các bị đơn ông Lê Hồng T2 và bà Trương Thanh X phải chịu 10.000.000 (Mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm;
- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bích T 5.000.000 (Năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005324 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Các bị đơn ông Lê Hồng T2, bà Trương Thanh X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU